

Số: 1911 /QĐ-UBND

Buôn Hồ, ngày 14 tháng 7 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế kiểm tra, sát hạch và xét tuyển để tiếp nhận vào
làm công chức cấp xã trên địa bàn thị xã Buôn Hồ năm 2022**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 06/11/2019 của Bộ Nội vụ hướng dẫn một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Thông tư 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

Căn cứ Quyết định số 02/2021/QĐ-UBND ngày 13/01/2021 của UBND tỉnh Đắk Lắk Ban hành Quy chế tổ chức tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

Căn cứ Quyết định số 717/QĐ-UBND ngày 23/3/2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk Quy định ngành đào tạo của từng chức danh công chức cấp xã trong kỳ tuyển dụng năm 2022 thuộc UBND thị xã Buôn Hồ và Quyết định số 1067/QĐ-UBND ngày 10/5/2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk về điều chỉnh, bổ sung ngành đào tạo đối với chức danh công chức cấp xã tại Quyết định số 717/QĐ-UBND ngày 23/3/2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk;

Thực hiện Kế hoạch số 116/KH-UBND ngày 12/5/2022 của UBND thị xã về Tuyển dụng công chức xã, phường trên địa bàn thị xã Buôn Hồ;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Nội vụ thị xã.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế kiểm tra, sát hạch và xét tuyển để tiếp nhận vào làm công chức cấp xã trên địa bàn thị xã Buôn Hồ năm 2022.

Điều 2. Chánh Văn phòng HĐND-UBND thị xã; Trưởng phòng Nội vụ thị xã; Thủ trưởng các cơ quan đơn vị có liên quan; các Hội đồng kiểm tra, sát hạch,

xét tuyển công chức cấp xã trên địa bàn thị xã Buôn Hồ căn cứ thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký. / *RL*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Nội vụ tỉnh (b/c);
- BTV Thị ủy, TT HĐND thị xã(b/c);
- CT, các PCT UBND thị xã;
- Cổng Thông tin điện tử thị xã;
- Lưu: VT, HĐTD, NV.

RL

CHỦ TỊCH



Phạm Phú Lộc

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BUÔN HỒ**



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

**Kiểm tra, sát hạch và xét tuyển để tiếp nhận vào làm công chức
cấp xã trên địa bàn thị xã Buôn Hồ năm 2022**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1911/QĐ-UBND
ngày 22/7/2022 của Ủy ban nhân dân thị xã Buôn Hồ)*

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về đối tượng áp dụng, nội dung kiểm tra, sát hạch và xét tuyển để tiếp nhận vào làm công chức cấp xã không qua thi tuyển đối với các trường hợp đặc biệt trên địa bàn thị xã Buôn Hồ năm 2022.

Điều 2. Đối tượng, điều kiện áp dụng

1. Người đủ tiêu chuẩn, điều kiện để tham gia kiểm tra, sát hạch, xem xét tiếp nhận vào làm công chức cấp xã thực hiện theo quy định tại mục 1, mục 2, phần VI, Kế hoạch số 116/KH-UBND ngày 12/5/2022 của UBND thị xã về việc tuyển dụng công chức xã, phường trên địa bàn thị xã Buôn Hồ.

2. Hội đồng kiểm tra, sát hạch và xét tuyển để tiếp nhận vào làm công chức cấp xã.

3. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có người được xem xét, tiếp nhận vào làm công chức cấp xã theo quy định.

Chương II NỘI DUNG KIỂM TRA, SÁT HẠCH

Điều 3. Nội dung, hình thức kiểm tra, sát hạch

1. Nội dung kiểm tra, sát hạch đối với thí sinh đăng ký tiếp nhận vào làm công chức cấp xã đối với các trường hợp đặc biệt, bao gồm:

a) Sát hạch trình độ hiểu biết chung:

+ Hiến pháp 2013 (chương I, chương V đến chương IX);

+ Luật cán bộ, công chức 2008 (chương I đến chương IV) và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật cán bộ, công chức và luật Viên chức 2019 (chỉ ôn tập phần cán bộ, công chức);

+ Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2015 (chương I, II, III, VI, VII) và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2019

+ Nghị quyết 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030

+ Nghị định số 112/2020/NĐ-CP ngày 18/9/2020 của Chính phủ về xử lý, kỷ luật cán bộ công chức, viên chức;

+ Nghị định 112/2011/NĐ-CP, ngày 05/12/2011 của Chính phủ về công chức xã, phường, thị trấn; Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

+ Quyết định số 20/2021/QĐ-UBND ngày 16/7/2021 của UBND tỉnh Đắk Lắk quy định cụ thể tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn nghiệp vụ đối với công chức làm việc tại các xã miền núi, vùng cao, biên giới, vùng sâu, vùng xã, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Hiểu biết về tình hình kinh tế - xã hội của thị xã, xã, phường nơi đăng ký dự tuyển.

b) Sát hạch về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:

- Chức danh công chức Tài chính - kế toán

+ Luật Ngân sách nhà nước 2015.

+ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

+ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

+ Thông tư 344/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính Quy định về quản lý ngân sách xã và hoạt động tài chính khác của xã, phường, thị trấn.

- Chức danh công chức Văn hóa – Xã hội

+ Nghị định 122/2018/NĐ-CP, ngày 17/9/2018 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”; “Thôn văn hóa”; “Làng văn hóa”; “Ấp văn hóa”; “Bản văn hóa”; “Tổ dân phố văn hóa”.

+ Nghị định số 110/2018/NĐ-CP, ngày 29/8/2018, của Chính phủ quy định về quản lý và tổ chức lễ hội.

+ Quyết định số 52/2016/QĐ-TTg ngày 06/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ, về Quy chế hoạt động thông tin cơ sở

+ Pháp lệnh số 02/2020/UBTVQH14 ngày 09/12/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Ưu đãi người có công với cách mạng.

+ Nghị định 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

- Chức danh công chức Tư pháp – Hộ tịch

+ Luật hộ tịch 2014;

+ Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ Tư pháp Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và **chứng thực** hợp đồng, giao dịch.

+ Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;

+ Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch.

2. Hình thức kiểm tra, sát hạch là Phỏng vấn trực tiếp:

- Thí sinh bốc thăm ngẫu nhiên trong bộ đề phỏng vấn; thời gian bao gồm cả chuẩn bị và trả lời là 30 phút (chuẩn bị 10 phút và trả lời 20 phút).

Điều 4. Xây dựng đề phỏng vấn

1. Chủ tịch Hội đồng thành lập Tổ xây dựng đề phỏng vấn

2. Nội dung đề phỏng vấn thực hiện theo điểm a, khoản 1, Điều 3 Quy chế này, bảo đảm tính chính xác, khoa học, lời văn, câu chữ, rõ ràng, đánh giá toàn diện năng lực, khả năng của người dự tuyển; phải phù hợp với yêu cầu của ngạch công chức tương ứng với vị trí chức danh dự tuyển. Đề phỏng vấn phải có đáp án, thang điểm kèm theo được bảo quản theo chế độ tài liệu “Mật”.

Điều 5. Tổ chức kiểm tra, sát hạch

1. Chuẩn bị cho tổ chức, kiểm tra sát hạch

a) Gửi thông báo triệu tập, cụ thể về thời gian, địa điểm kiểm tra, sát hạch cho người dự tuyển đủ điều kiện, tiêu chuẩn.

b) Trước ngày kiểm tra, sát hạch 01 ngày, niêm yết danh sách người dự tuyển, nội quy, quy chế kiểm tra, sát hạch và các văn bản liên quan tại địa điểm kiểm tra, sát hạch.

c) Hoàn thành các công tác chuẩn bị: các biểu mẫu liên quan đến việc tổ chức kiểm tra, sát hạch; thẻ cho Hội đồng, Tổ Thư ký giúp việc...

d) Hội đồng kiểm tra, sát hạch phổ biến quy chế, nội quy, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của từng thành viên Hội đồng.

đ) Phòng Nội vụ có trách nhiệm thực hiện các nội dung tại điểm a, điểm b, điểm c, khoản 1 Điều này.

2. Tổ chức kiểm tra, sát hạch

a) Tổ giúp việc của Hội đồng hướng dẫn người dự tuyển chọn đề phỏng vấn theo hình thức bốc thăm ngẫu nhiên.

b) Người dự tuyển trả lời đề phỏng vấn đã chọn; mỗi người dự tuyển chỉ chọn một đề phỏng vấn, không được thay đổi đề phỏng vấn.

c) Thời gian chuẩn bị và trả lời câu hỏi phỏng vấn của mỗi thí sinh không quá 30 phút.

d) 05 thành viên Hội đồng kiểm tra, sát hạch (gồm: Chủ tịch Hội đồng; 04 Ủy viên Hội đồng, trong đó 01 Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng, do Chủ tịch UBND thị xã thành lập) chấm điểm độc lập đối với nội dung tại khoản 1, Điều 3 Quy chế này. Sau khi chấm xong, 05 thành viên Hội đồng kiểm tra, sát hạch ký vào phiếu chấm điểm và bàn giao cho Thư ký Hội đồng để tổng hợp và báo cáo Chủ tịch Hội đồng.

đ) Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng tổng hợp danh sách dự kiến thí sinh trúng tuyển báo cáo Chủ tịch Hội đồng.

e) Trường hợp cần thiết Chủ tịch Hội đồng có thể tổ chức họp để thống nhất, rút kinh nghiệm trong quá trình kiểm tra, sát hạch người dự tuyển.

Chương III

ĐIỂM KIỂM TRA, SÁT HẠCH

Điều 6. Cơ cấu điểm kiểm tra, sát hạch

Tổng điểm kiểm tra, sát hạch được tính theo thang điểm 100 và được cơ cấu như sau:

- Điểm kiểm tra, sát hạch đối với phần nội dung tại khoản 2, Điều 3, Quy chế này tối đa 100 điểm, trong đó:

- Sát hạch về Luật Tổ chức chính quyền địa phương, ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương, ngày 22/11/2019; Luật Cán bộ, Công chức, ngày 13/11/2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật viên chức, ngày 25/11/2019; Nghị định 112/2011/NĐ-CP, ngày 05/12/2011 của Chính phủ về công chức xã, phường, thị trấn; Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố tối đa **60 điểm**.

- Điểm kiểm tra, sát hạch về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ liên quan đến vị trí việc làm cần tiếp nhận tối đa **20 điểm**.

- Điểm kiểm tra, sát hạch về nội dung hiểu biết về tình hình kinh tế - xã hội của địa phương thị xã và xã, phường tối đa **20 điểm**.

- Đối với việc bốc thăm câu hỏi để thực hiện kiểm tra, sát hạch: Chỉ bốc thăm câu hỏi về kiến thức chung, câu hỏi về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ và câu hỏi về sự hiểu biết tình hình kinh tế - xã hội của địa phương do Hội đồng trực tiếp đặt câu hỏi.

Điều 7. Chấm điểm kiểm tra, sát hạch

1. Khi chấm điểm phỏng vấn, các thành viên Hội đồng chấm điểm độc lập trên phiếu chấm điểm đối với từng thí sinh, có chữ ký và ghi rõ họ và tên của thành viên chấm điểm. Điểm phỏng vấn là điểm trung bình cộng của các thành viên tham gia chấm điểm phỏng vấn.

2. Xử lý kết quả chấm điểm kiểm tra, sát hạch

a) Trường hợp các thành viên chấm điểm chênh lệch nhau từ 10 điểm trở xuống (điểm của thành viên chấm cao nhất với điểm của thành viên chấm thấp nhất) thì lấy điểm trung bình cộng của các thành viên chấm thi làm điểm chính thức rồi ghi điểm vào bảng tổng hợp chung. Điểm lẻ của tổng điểm toàn bài được làm tròn đến 1 (một) chữ số thập phân. Các thành viên tham gia chấm thi cùng ký, ghi rõ họ tên vào bảng tổng hợp chung.

b) Trường hợp các thành viên chấm chênh lệch nhau trên 10 điểm (điểm của thành viên chấm cao nhất với điểm của thành viên chấm thấp nhất) thì Chủ tịch Hội đồng tổ chức đối thoại với các thành viên tham gia chấm, sau đó Chủ tịch Hội đồng quyết định điểm chính thức rồi ghi điểm vào bảng tổng hợp chung. Điểm lẻ của tổng điểm toàn bài được làm tròn đến 1 (một) chữ số thập phân. Các thành viên tham gia chấm thi và Chủ tịch Hội đồng cùng ký, ghi rõ họ và tên vào bảng tổng hợp chung.

3. Điểm của người dự tuyển là tổng điểm của các nội dung theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 6 Quy chế này.

4. Chủ tịch Hội đồng niêm phong kết quả chấm phỏng vấn và bàn giao cho Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng ngay sau khi kết thúc buổi phỏng vấn.

5. Không thực hiện việc phúc khảo đối với kết quả điểm phỏng vấn.

Điều 8. Xác định người trúng tuyển

1. Người trúng tuyển phải là người có kết quả cao hơn lấy theo thứ tự từ cao xuống thấp trong phạm vi chỉ tiêu được tuyển chọn của từng vị trí và điểm kiểm tra, sát hạch của người dự tuyển đạt từ 50 điểm trở lên.

2. Chủ tịch Hội đồng báo cáo Chủ tịch UBND thị xã xem xét, quyết định kết quả tiếp nhận, tuyển dụng công chức.

3. Trường hợp thí sinh không đạt kết quả trong kỳ kiểm tra, sát hạch và xét tuyển được đăng ký tham gia vào kỳ tuyển dụng công chức cấp xã năm 2022 trên địa bàn thị xã mà vị trí thí sinh đã đăng ký (nếu có nguyện vọng).

Điều 9. Giải quyết khiếu nại, tố cáo

Chủ tịch Hội đồng thực hiện việc giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Lưu trữ tài liệu

Các văn bản, tài liệu liên quan đến kiểm tra, sát hạch và xét tuyển tiếp nhận vào làm công chức cấp xã trên địa bàn thị xã Buôn Hồ năm 2022 được lưu trữ theo quy định hiện hành.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Sửa đổi, bổ sung quy chế

Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, cá nhân kịp thời báo cáo, kiến nghị UBND thị xã Buôn Hồ (thông qua phòng Nội vụ) để xem xét, điều chỉnh cho phù hợp./.

